

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ.

#### Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học (nếu có) và thực hiện các chức năng khác theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Cụ thể như sau:

### **1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và người học trong các cơ sở giáo dục công lập;

c) Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí bảo đảm các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định;

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

e) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

g) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh được giao theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

i) Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý;

k) Hồ sơ về công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2 và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

l) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu, đề nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành các văn bản về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công;

b) Quyết định đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học theo quy định của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Quyết định ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

d) Công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

đ) Quyết định cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Quyết định chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định của pháp luật hiện hành;

g) Quyết định công bố tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh theo quy định;

h) Quyết định phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo quy định;

i) Quyết định cấp, gia hạn, chấm dứt hoạt động, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

k) Quyết định cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định;

1) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục và quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu, chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 4. Về tài chính, tài sản cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quản lý tài sản của các cơ sở giáo dục được giao theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

5. Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và đào tạo, bồi dưỡng

a) Chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo, quy định của pháp luật có liên quan và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển đổi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì thực hiện quản lý, sử dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của Luật Nhà giáo.

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Quyết định theo phân cấp hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý; quản lý vị trí việc làm, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

b) Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

d) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## 7. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và toàn xã hội;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Tổng hợp nguyện vọng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn và lập báo cáo về việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

## 8. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý; công nhận, bổ sung, kiện toàn hội đồng trường, hội đồng quản trị, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu

trưởng và thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị hoặc chấm dứt hoạt động của hội đồng quản trị của các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định. Việc bổ nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

d) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

đ) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

e) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục;

g) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

h) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn;

i) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

k) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

## 9. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp xã;

c) Thực hiện kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

10. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

11. Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc

thẩm quyền quản lý trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

15. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế**

#### **1. Lãnh đạo Sở**

a) Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và các Phó Giám đốc;

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **2. Cơ cấu tổ chức**

a) Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ

- Văn phòng;
- Phòng Kế hoạch và Tài chính;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Phòng Giáo dục Mầm non;
- Phòng Giáo dục Tiểu học;
- Phòng Giáo dục Trung học;
- Phòng Giáo dục thường xuyên;
- Phòng Giáo dục nghề nghiệp;
- Phòng Học sinh, sinh viên;
- Phòng Khoa học, Công nghệ và Thông tin.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 157 đơn vị (có danh sách kèm theo Phụ lục 1).

#### **Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và thay thế Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT-CB;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, VX3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Duy Đông**

**DANH SÁCH**

**Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ**  
*(Kèm theo Quyết định số        /2025/QĐ-UBND ngày        tháng 11 năm 2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

| STT | Tên đơn vị                   | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---------|
| 1.  | Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc |         |
| 2.  | Trường THPT Nguyễn Thái Học  |         |
| 3.  | Trường THPT Trần Phú         |         |
| 4.  | Trường THPT Vĩnh Yên         |         |
| 5.  | Trường THPT Kim Ngọc         |         |
| 6.  | Trường THPT Bến Tre          |         |
| 7.  | Trường THPT Hai Bà Trưng     |         |
| 8.  | Trường THPT Xuân Hòa         |         |
| 9.  | Trường THPT Bình Xuyên       |         |
| 10. | Trường THPT Võ Thị Sáu       |         |
| 11. | Trường THPT Quang Hà         |         |
| 12. | Trường THPT Nguyễn Duy Thi   |         |
| 13. | Trường THPT Tam Đảo          |         |
| 14. | Trường THPT Tam Đảo II       |         |
| 15. | Trường THPT Tam Dương        |         |
| 16. | Trường THPT Tam Dương II     |         |

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b>             | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-------------------------------|----------------|
| 17.        | Trường THPT Trần Hưng Đạo     |                |
| 18.        | Trường THPT Liễn Sơn          |                |
| 19.        | Trường THPT Ngô Gia Tự        |                |
| 20.        | Trường THPT Trần Nguyên Hãn   |                |
| 21.        | Trường THPT Văn Quán          |                |
| 22.        | Trường THPT Đội Cấn           |                |
| 23.        | Trường THPT Lê Xoay           |                |
| 24.        | Trường THPT Nguyễn Viết Xuân  |                |
| 25.        | Trường THPT Nguyễn Thị Giang  |                |
| 26.        | Trường THPT Nguyễn Văn Chất   |                |
| 27.        | Trường THPT Đồng Đậu          |                |
| 28.        | Trường THPT Phạm Công Bình    |                |
| 29.        | Trường THPT Yên Lạc           |                |
| 30.        | Trường THPT Yên Lạc 2         |                |
| 31.        | Trường THPT Bình Sơn          |                |
| 32.        | Trường THPT Sáng Sơn          |                |
| 33.        | Trường THPT Sông Lô           |                |
| 34.        | Trường THPT Đoan Hùng         |                |
| 35.        | Trường THPT chuyên Hùng Vương |                |
| 36.        | Trường THPT Cẩm Khê           |                |

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b>                | <b>Ghi chú</b> |
|------------|----------------------------------|----------------|
| 37.        | Trường THPT Chân Mộng            |                |
| 38.        | Trường THPT Công nghiệp Việt Trì |                |
| 39.        | Trường THPT Hương Cầm            |                |
| 40.        | Trường THPT Hạ Hòa               |                |
| 41.        | Trường THPT Hùng Vương           |                |
| 42.        | Trường THPT Hưng Hóa             |                |
| 43.        | Trường THPT Hiền Đa              |                |
| 44.        | Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì    |                |
| 45.        | Trường THPT Sơn Lương            |                |
| 46.        | Trường THPT Long Châu Sa         |                |
| 47.        | Trường THPT Minh Đài             |                |
| 48.        | Trường THPT Minh Hòa             |                |
| 49.        | Trường THPT Mỹ Văn               |                |
| 50.        | Trường THPT Phương Xá            |                |
| 51.        | Trường THPT Phù Ninh             |                |
| 52.        | Trường THPT Phong Châu           |                |
| 53.        | Trường THPT Quế Lâm              |                |
| 54.        | Trường THPT Tam Nông             |                |
| 55.        | Trường THPT Tân Sơn              |                |
| 56.        | Trường THPT Thanh Ba             |                |

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b>                | <b>Ghi chú</b> |
|------------|----------------------------------|----------------|
| 57.        | Trường THPT Thanh Sơn            |                |
| 58.        | Trường THPT Thanh Thủy           |                |
| 59.        | Trường THPT Tử Đà                |                |
| 60.        | Trường THPT Trung Giáp           |                |
| 61.        | Trường THPT Trung Nghĩa          |                |
| 62.        | Trường THPT Văn Miếu             |                |
| 63.        | Trường THPT Việt Trì             |                |
| 64.        | Trường THPT Vĩnh Chân            |                |
| 65.        | Trường THPT Xuân Áng             |                |
| 66.        | Trường THPT Yên Lập              |                |
| 67.        | Trường THPT Yên Khê              |                |
| 68.        | Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ |                |
| 69.        | Trường THPT Lạc Long Quân        |                |
| 70.        | Trường THPT Công Nghiệp          |                |
| 71.        | Trường THPT Ngô Quyền            |                |
| 72.        | Trường THPT Kỳ Sơn               |                |
| 73.        | Trường THPT Phú Cường            |                |
| 74.        | Trường THPT Cao Phong            |                |
| 75.        | Trường THPT Thạch Yên            |                |
| 76.        | Trường THPT Lương Sơn            |                |

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b>         | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------|----------------|
| 77.        | Trường THPT Nam Lương Sơn |                |
| 78.        | Trường THPT Cù Chính Lan  |                |
| 79.        | Trường THPT Kim Bôi       |                |
| 80.        | Trường THPT Sào Báy       |                |
| 81.        | Trường THPT 19-5 Kim Bôi  |                |
| 82.        | Trường THPT Bắc Sơn       |                |
| 83.        | Trường THPT Thanh Hà      |                |
| 84.        | Trường THPT Lạc Thủy      |                |
| 85.        | Trường THPT Lạc Thủy B    |                |
| 86.        | Trường THPT Lạc Thủy C    |                |
| 87.        | Trường THPT Yên Thủy A    |                |
| 88.        | Trường THPT Yên Thủy B    |                |
| 89.        | Trường THPT Yên Thủy C    |                |
| 90.        | Trường THPT Lạc Sơn       |                |
| 91.        | Trường THPT Quyết Thắng   |                |
| 92.        | Trường THPT Cộng Hoà      |                |
| 93.        | Trường THPT Đại Đồng      |                |
| 94.        | Trường THPT Tân Lạc       |                |
| 95.        | Trường THPT Mường Bi      |                |
| 96.        | Trường THPT Lũng Vân      |                |

| STT  | Tên đơn vị                                              | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------|---------|
| 97.  | Trường THPT Đoàn Kết                                    |         |
| 98.  | Trường THPT Đà Bắc                                      |         |
| 99.  | Trường THPT Yên Hoà                                     |         |
| 100. | Trường THPT Mường Chiềng                                |         |
| 101. | Trường THPT Mai Châu                                    |         |
| 102. | Trường THPT Mai Châu B                                  |         |
| 103. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Phú Thọ           |         |
| 104. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT Hòa Bình          |         |
| 105. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Vĩnh Phúc |         |
| 106. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Yên Lập   |         |
| 107. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Cao Phong |         |
| 108. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Kim Bôi   |         |
| 109. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Lạc Sơn   |         |
| 110. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Yên Thủy  |         |
| 111. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Lạc Thủy  |         |
| 112. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Tân Lạc   |         |
| 113. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Mai Châu  |         |

| STT  | Tên đơn vị                                                        | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| 114. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Đà Bắc              |         |
| 115. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Ngọc Sơn            |         |
| 116. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Lương Sơn           |         |
| 117. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT B Mai Châu          |         |
| 118. | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT B Đà Bắc            |         |
| 119. | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Vĩnh Phúc                         |         |
| 120. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bình Xuyên |         |
| 121. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lập Thạch  |         |
| 122. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tam Dương  |         |
| 123. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tam Đảo    |         |
| 124. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vĩnh Tường |         |
| 125. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Lạc    |         |
| 126. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phúc Yên   |         |
| 127. | Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ                      |         |
| 128. | Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh Phú Thọ           |         |

| STT  | Tên đơn vị                                                        | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| 129. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lâm Thao   |         |
| 130. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phù Ninh   |         |
| 131. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phú Thọ    |         |
| 132. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hạ Hòa     |         |
| 133. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đoan Hùng  |         |
| 134. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cẩm Khê    |         |
| 135. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Lập    |         |
| 136. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tam Nông   |         |
| 137. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Sơn  |         |
| 138. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Thủy |         |
| 139. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tân Sơn    |         |
| 140. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Ba   |         |
| 141. | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hòa Bình                          |         |
| 142. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hòa Bình   |         |
| 143. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đà Bắc     |         |

| STT  | Tên đơn vị                                                       | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------|---------|
| 144. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lương Sơn |         |
| 145. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cao Phong |         |
| 146. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tân Lạc   |         |
| 147. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mai Châu  |         |
| 148. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lạc Sơn   |         |
| 149. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Thủy  |         |
| 150. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Bôi   |         |
| 151. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lạc Thủy  |         |
| 152. | Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ                    |         |
| 153. | Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình                                 |         |
| 154. | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hòa Bình                      |         |
| 155. | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình                      |         |
| 156. | Trường Cao đẳng nghề Sông Đà                                     |         |
| 157. | Trường Giáo dục chuyên biệt Phú Thọ                              |         |

*Ấn định danh sách này có 157 đơn vị./.*